

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**
(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...
được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;
開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知** 和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練...）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/NĐ 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練...）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;
開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC 確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。

在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...
được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;
開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...
được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;
開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**
(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...
được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;
開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。

在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC 確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練...）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới.

若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động;

có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。

在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/NĐ 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。

在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: thực hiện消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，

以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...
được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;
開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...
được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;
開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。

在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。

在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練...）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，

以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/NĐ-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114; sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，

則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，

其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；

符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練...）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養（

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條）

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。

Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

附錄一：單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

(kèm theo Công văn số 278 /PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

(附於 PC07 部門 2021 年 4 月 13 日簽發的第 278 號/PC07-CTPC 號公文)

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ 單位、組織、機構負責人的防火和救援責任執行指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Nghị định số 83/2017/NĐ-CP*) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Thông tư số 149/2020/TT-BCA*), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (*Thông tư số 08/2018/TT-BCA*) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位負責人在防火和救援方面的責任，依據消防法第 5 條的規定，具體規定在政府於 2020 年 11 月 24 日頒布的消防法實行細則和補充、修正案（第 136/ 2020/NĐ-CP 號法令）中明確規定；政府於 2017 年 7 月 18 日頒布的關於消防隊救援工作的法令（第 83/2017/NĐ-CP 號法令）；公共安全部於 2020 年 12 月 31 日頒布關於消防法實行細則和補充、修正案（第 149/2020/TT-BCA 號通函）；2018 年 3 月 5 日公安部頒布的政府 83/2017/NĐ-CP 法令關於消防隊救援工作 的實行細則（第 08/2018/TT-BCA 號通函）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (*người đứng đầu cơ sở*) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和規模、業務性質、幹部人數、僱員人數、機關、組織和機構的負責人直接對管理範圍內的個人和單位執行或分工執行消防和救援工作的職責和任務，具體如下：

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH;
xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH**

*(căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC;
khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).*

根據消防法第 5 條第 3 款的規定；消防救援工作法令第 7 條第 2 款、
第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 2 條的規定安排宣傳和普及有關消防和緊急救援工作的知識；
建立全民參與消防和緊急救援工作的多動。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền,
phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

每年制定計劃（參考表格 06）並批准經費，安排執行防火救援法律和知識的宣傳和普及工作。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện,
hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣傳工作應由機構自行執行或委託警察機構、消防安全培訓機構執行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy,
nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH;
tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC,
CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH...

được trang bị tại cơ sở.

宣傳內容必須適合於機構的特性，以及與火災爆炸的危險性質，著重於以下內容：有關消防和緊急救援
法規的規定；火災、爆炸事故的危險性質和特點以及預防火災、爆炸意外事故的措施；
消防和緊急救援的規章；逃生、救援技能以及機構內設備的使用技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式安排實施全民參與消防救援的活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全廠消防救援競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC,
phòng ngừa sự cố, tai nạn;

組辦機構內各單位和部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防意外事故的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10),

Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

安排全民消防日（10 月 4 日）以及一年一度的職業安全與健康行動月的活動。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在機構內記錄和文件中更新關於全民執行宣傳和消防救援運動的結果（參考表格 01）。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành
(căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理及確保基層和專業消防團隊的運作有利條件

(法律依據：第 136/ 2020/ND-CP 號令第 31 條第 2 款、第 5 條和第 1 款、第 2 款和第 3 款)

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02)

và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/ND-CP 號法令附錄三所列機構設立基層及專業消防隊伍的決定（參考表格 02）

及操作規章（參考表格 03）；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄四所列機構的消防救援職責

和任務的規定和分配文件（參考表格 04）。備註：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業園區、出口加工區、高新技術園區、

面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中規定的依據。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須成立專業消防隊伍的主體包括：消防法第四十四條第三款和

第 149/2020/TT-BCA 號通知第十三條規定的主體。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不強制要求成立基層消防隊伍的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

(phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 規定的機構（必須向在該機構工作的人員分配防火和救援任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

變電站依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款 g 點自動運轉。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

對基層和專業消防隊伍進行分配任務，確保符合消防法第 45 條、第 83/2017/ND-CP 號法令第 27 條的規定以及機構的消防救援要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的工作安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

- 根據機構工作人數安排適當的基層和專業消防團隊，並必須確保第 136/2020/ND-CP 號法令第 31 條第 3 款規定的最低人數。備註：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

若一個工廠有多個獨立的車間和部門，且常態性工作的人員超過 100 人，則每個部門或車間都要設有一個基層消防隊伍；團隊的薪資人數必須至少為 05 人，其中包括 01 名團隊領導（建立消防隊伍必須在機構負責人發布的消防隊伍成立之決定和運營規章中明確說明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới. 若機構配備機動消防設備，基層和專業消防隊的人員的配備必須確保機動消防車的數量維持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở:

Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防小組成員、指派給機構防火任務的人員：是在機構中常態性工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防救援專業訓練證明...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.
基層和專業消防隊根據專責或非專責制度進行運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH 採取常駐的消防和緊急服務

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排工作地點（站/室），確保有足夠的人員、車輛、消防設備和救援值班和工作之最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

有用于處理、接收消防警報、事故和緊急情況的工具和設備，如：桌椅、電話、對講機；
個人和相關單位的電話簿；有關交通示意圖紙、滅火用的水源、設施和處理流程；
以及機構的滅火方案和應急救援計劃。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ:

Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班團隊成員人數，須確保執行以下任務：直接接收及處理資訊；消防值班、救援值班；
機構配備機動消防設備的，值班人數必須符合機動消防設備規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

人手分配、執勤手段、輪班交接……都需要清楚地記錄在案本上

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期對基層、專業消防隊及負責本單位防火救援任務的人員進行監查、完善工作，
確保數量符合規定（更新在決定中）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan

Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層及專業消防隊之決定及作業規則，須呈送到直接管理該機構之主管部門，並備存檔案，
以監察及管理該機構之消防救援活動。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH

(căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防救援規章與措施

(法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通函第 1 款、第 5 條；第 08/2018/TT-BCA 號通函第 5 條)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發布消防救援規定（參考表格 05），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

制定適合機構的特性管理和使用電力、火源、熱源、易燃、易爆物質、點火和加熱設備以適應機構的需求。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC,

căn cứ **Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021** và TCVN 3890.

根據 **2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知**和 TCVN 3890 規定消防設備和車輛的管理、保管、維護和使用的責任。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第十三條規定的各種被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

依據第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 6 條規定的被禁止行為。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy...,

căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

根據消防法第 14 條規定在發生火災、爆炸事故時應採取的措施：火災警報、進行滅火…。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故時應採取的措施內容基於第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 13 條第 1 款；

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ

(Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救援設備、車輛和工具的保存和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號法令第 29 條）；

Lưu ý: 備註：

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防救援條例可以合併制定，也可以單行制定。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...)

thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

若一個機構具有多個具備不同易燃易爆風險的區域或項目

(停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等)，

則規定的內容必須適合每個項目和區域的特點（統一發佈一個決定，但會根據各項目、各領域的內部制定運作規則）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

- 若機構具有多個機關和組織共同運作：該機構的負責人頒布並實施共同執行的防火和救援規定；機構的負責人負責執行該機構的內部規定並頒布適合其管理範圍的規章。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布消防示意圖；發布消防和緊急救援的警告、標誌和指示牌，以確保遵循第 149/2020/TT-BCA 號法令第 5 款的規定。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH: 實施消防救援的安全規定、指示圖、禁止標誌、標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

在公司內向員工宣導規章制度。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

在易於看到和遵守的地方公告並張貼，包括：消防方案圖紙應張貼在酒店客房、

公寓（房間門口）和隱蔽處或交叉的逃生路線上；消防安全禁止標誌、標識和指示牌應張貼在生產、

儲存、使用易燃、易爆材料、汽油、瓦斯、易燃化學品等地方。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.
決策和規定保存在記錄中，以監控和管理機構的防火和救援活動。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

實施、檢查、監督消防救援規章制度的遵守情況（法律依據：消防法第 45 條；第 136/NĐ-CP 號法令第 16 條第 3 款；第 83/2017/ND 號法令第 12 條第 1 款；第 149/2020/ TT-BCA 號通函第 8 條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

頒布關於定期（參考表格 06）審查與消防和救援安全的規定或計劃，適用於所管理的單位。其中，需要具體規定與機構特徵相適應的消防和救援的定期和突發審查的時間、形式、內容；為執行單位和個人分配任務；處罰違反行為；獎勵和紀律...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

受託人負責依照規定和核准的計畫進行檢查，具體如下：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra. 準備好記錄、文件和車輛、設備、測試系統、消防設備...以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 2 款的規定檢查消防安全條件的維護情況，並根據第 83/2018/ND-CP 號法令的規定檢查預防發生事故的措施。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra. 記錄檢查結果

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07).

Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束後，總結檢查結果，評估事故等方面的優缺點，消防安全的危機，發生事故的風險；

以單據或檢驗記錄記錄檢驗結果.....（參考表格 07）。特別是，測試結果必須顯示以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có),

đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防缺點、又發生事故的風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束時：被指派執行檢查任務的人員必須將檢查結果向直接管理單位領導和機構領導報告，以作為掌握和指導糾正檢查現場的缺陷和違規行為的依據。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

每 6 個月，根據第 136/2020/ND-CP 號法令第 16 條第 3 款 b 點的規定，對第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 中指定的機構準備一份消防安全檢查結果報告（參考表格 08）並呈送至直管警察機關，

其基本內容如下：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

維護消防救援安全條件的自查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

執行主管機關的要求和建議的結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC

và CNCH.

檢查結果和檢查結果報告應保存在記錄資料中，以監控和管理消防和救援活動。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC **確保消防救援活動經費；配備消防設備並維持其運行狀態**

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預算並批准年度資金來源，以確保機構的防火和撲救活動，具體如下：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換機構內受損的消防及救援系統及設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

依照公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通函的規定，為基層和專業消防隊配備消防裝備。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 聯合通函的規定，確保基層防火小組成員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

宣傳，動員全民參與防火和救援的運動；消防和救援行動訓練；制定消防、救援計畫並進行演練；進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並演練消防和救援計畫（法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 19 條第 1、2、4 款及第 149/2020/TT-BCA 號通函第 9 條第 1 款；第 1、3 和 4 款、第 9 條以及與第 83/2017/ND-CP 號法令一起發布的第 04 號表格）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防計畫

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定機構的消防計畫，假設最複雜的情況和適合機構的典型情況，例如：地下室、高層、火災、爆炸的高度風險區域…：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 IV 中規定的機構：制定及批准機構的消防計劃（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 III 規定的機構：建立、審核計劃並準備文件備案文件，向直接管理的警察機關（警察局）提出申請核准。消防和救援局或地區警察）。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định. 根據規定，當在火災、爆炸的風險規模、特性以及與消防活動相關的條件發生變化時應進行補充和修改計劃，並按規定申請審批消防計劃。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

制定、修訂和補充救援計劃

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

按照規定的形式和內容，假設機構內最複雜、最典型的事件和事故情況，制定機構的救援計劃；審批該規劃。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

依規定，應在有關可能會發生的事故、意外事件的性質和特點以及與緊急救援活動相關的條件發生變化時進行補充和修改計劃。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

進行計劃的宣傳和進行培訓。

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV

(thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

向基層消防隊和員工宣傳經批准的計畫（透過宣傳會、專業訓練…）；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

訂定實務計畫（參考表格 06），確保實務計畫的經費與條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

訓練計劃的執行：對於消防計劃，至少每年進行一次培訓；對於救援計劃，至少每兩年進行一次培訓；在地方性政治、經濟、文化和社會方面的特殊事件要求確保消防安全時，可以進行臨時培訓。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- 每次演練消防計畫時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保計畫中的所有情況都依次演練。動員實踐時，計劃內的力量和手段必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

訓練結束後，必須進行經驗總結並編寫演練計畫執行結果報告（參考表格 08）。

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

機構的消防計劃、救援計劃、演習計劃、演習計劃結果報告應呈送至直接主管部門的警察機關。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

消防計劃、實習計劃和實習結果報告將存檔在機構的消防和救援活動監督和管理文件中。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被調動時參與警察機關於其他機構進行的消防計畫和緊急救援計畫的實習。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH

(Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防救援專業技能訓練與培養 (

法律依據：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條。第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定訓練計畫（參考表格 06），確保提供足夠的經費和必要條件，

以為所管理範圍內的相關人員進行消防和救援技能訓練。備註：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 1 款規定的主體。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救援：基層、專業消防隊及其他需要的主體（第 83/2017/ND-CP 號法令第 11 條第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

請公安機關或經認證具有提供消防服務資格的消防訓練指導機構執行培訓工作。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

若請警察機關進行培訓：按照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款和第 8 款 b 點的規定，準備好申請資料並將其發送給警察機關。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

若要求訓練機構進行培訓：依照第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 5 款 a 點的規定準備相關資料，並將其發送給相關機構。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

管理範圍內人員的消防救援專業訓練證書損毀、遺失時，該機構或個人應依照本辦法第六條、第七條、第 136/2020/ND-CP 號法令第 33 條第 8 款準備相關資料以辦理申請補發手續。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防和救援技能訓練工作（參考表格 01）；頒發訓練技能認證決定或訓練技能認證影印件，並將其存檔於監控和管理機構的消防和救援活動檔案中。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH 執行消防和救援工作

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114;

sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和機構領導者以滅火、救援，並撥打消防警察 114 通知消防警察。利用現場手段和設備進行滅火救援。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

國家消防及救援總指揮：基層及專業消防隊組長；機構負責人（當消防救援警察尚未到達時）負責指揮機構的消防隊執行下列任務：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn.

Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- 指示火災、爆炸事件或事故區域中的人員轉移到安全區域。當有人遇險、受傷時，必須優先將其救至安全地點。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並部署人力和手段進行滅火和救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng

Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果機構的消防隊在消防警察到達之前已經完成消防救援，機構必須立即通知消防救援警察。

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm: 當消防警察到達現場時，機構消防指揮官必須提供相關資訊、報告火災情況以及滅火和救援的情況。此時，該機構的消防隊應負責：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

需要時安排合適的人員加入消防諮詢委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

執行消防警察隊指揮官指派的消防和救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

向直接管理該機構的警察廳或上級機關或組織報告火災或爆炸事件。（參考表格 08）

9. Thực hiện một số quy định khác 實施其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

建設投資中消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

在機構運作期間，進行新建工程項目時；翻新或改變使用性質或擴大機構規模，影響第 136 /2020/ND-CP 號法令第 11 條規定的消防安全要求之一，必須按如下方式進行：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

適用於第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中規定的建築工程

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按規定（第 136/2020/ND-CP 號法令第 13 條第 4 款、第 6 款）準備消防設計文件並提交消防警察局審批。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC

đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

進行施工，確保建設工程的消防安全；進行消防驗收，並將要求消防驗收的資料提交給先前核准的消防警察機關（第 136/2020/ND-CP 號法令第 15 條第 2 款、第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於未涉及第 136/2020/ND-CP 號法令附錄 V 中的建築工程。制定消防設計文件，依規定進行消防鑑定、施工及驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防救援安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在機構投入運作之前落實防火和救援的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

受消防管理的機構必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令和第 83/2017/ND-CP 號法令第五條第 1 款和第 2 款規定的消防安全和救援條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如果該機構擁有機動車輛，則車輛必須保持第 136/2020/ND-CP 號法令第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/ND-CP 號法令第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan,

tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

若是一個機構中的多個組織和單位共同運作時，該機構的負責人需要確保滿足該機構的共同條件的規定。在同一機構範圍內運作的各個單位和組織必須確保滿足與消防和救援有關的安全條件。這意味著各單位和組織都需要遵守相應的安全法規和規定，以確保機構內的消防和救援情況得到妥善處理。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần,

nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

制定用於監控和管理機構的消防救援活動的記錄，須確保第 149/2020/TT-BCA 號通函第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通函第 9 條規定的齊全性及內容完整性，以及按規定更新、補充檔案組成部分。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通函（取代第 52/2014/TT-BCA 號通函）

和 TCVN 3890 的規定，對消防救援車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；依規定對承壓設備進行技術檢驗

（職能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

具備由直接管理該機構的警察機關關於變更和調整的書面通知（參考表格 08）。